

新北市政府稅捐稽徵處
地價稅自用住宅用地申請書
Phiếu xin thuế giá đất thổ cư
Cục thuế vụ địa phương chính quyền Thành Phố Tân Bắc

(請於 9 月 22 日前提出申請，逾期申請自次年期適用)

(xin hãy đề xuất xin vào trước ngày 22 tháng 9, quá hạn xin áp dụng cho kỳ năm sau)

本人所有表列土地係自用住宅用地，業經辦竣戶籍登記，且無出租或供營業用情事。

Đất đai liệt kê trên tất cả bảng của bản thân là đất thổ cư, đã thực hiện đăng ký hộ tịch, hơn nữa không cho thuê hoặc kinh doanh.

一、土地使用情形 Tình hình sử dụng đất

新北市土地坐落 Địa chỉ miếng đất tại thành phố Tân Bắc				宗地面積 (平方公尺m ²) Diện tích khu đất	權利範圍 Phạm vi quyền lợi	持分面積 (平方公尺m ²) Diện tích chia tỷ lệ	房屋坐落 Địa chỉ nhà	實際使用面積 Diện tích sử dụng thực tế
區 Khu	段 Đoạn	小段 Khúc	地號 Số lô đất					
								<input type="checkbox"/> 1. 全棟(層)均自用並無出租或營業情形。Toàn tòa nhà (tầng) đều tự sử dụng và không cho thuê hoặc kinh doanh 2. 本棟房屋共 _____ 層，其中第 _____ 層供：Tòa nhà này tổng cộng _____ tầng, trong đó tầng thứ _____ tổng cộng: <input type="checkbox"/> 營業使用 Sử dụng kinh doanh：名稱 Tên: _____ 面積 Diện tích: _____ m ² <input type="checkbox"/> 出租使用 Thuê sử dụng： 面積 Diện tích: _____ m ² <input type="checkbox"/> 3. 持分土地之地上樓層房屋係：Nhà tầng trên đất của miếng đất chia tỷ lệ <input type="checkbox"/> 自用 Tự sử dụng: _____ m ² <input type="checkbox"/> 營業 Kinh doanh: _____ m ² <input type="checkbox"/> 出租 Thuê: _____ m ²
							建號 Mã số xây dựng	

二、土地所有權人及配偶、未成年之受扶養親屬設籍人資料：(已檢附戶口名簿影本者免填)

Thông tin lập hộ tịch của người có quyền sở hữu đất và người hôn phối, người thân chưa thành niên được nuôi dưỡng : (trường hợp đã kèm theo bản sao sổ hộ khẩu miễn điền)

項 Hạng mục	目 姓 Họ tên	名 身 身分證 Số CMT	統 一 編 號
土地所有權人 Người có quyền sở hữu đất			
配偶 Người hôn phối			
未成年受扶養親屬 Người thân chưa thành niên được nuôi dưỡng (稱謂 Xung hô)			
未成年受扶養親屬 Người thân chưa thành niên được nuôi dưỡng (稱謂 Xung hô)			
設籍人 Người lập hộ tịch (稱謂 Xung hô)			

※如為外籍人士無身分證統一編號者，請檢附居留證影本或護照影本等相關資料以供查核。

Trường hợp nếu là người nước ngoài không có số CMT, xin hãy kèm theo giấy tờ liên quan như: bản sao thẻ cư trú hoặc bản sao hộ chiếu để tra duyệt.

三、土地所有權人無租賃關係申明書：

Đơn xin không có quan hệ thuê mượn của người có quyền sở hữu đất

(一) 本人所有坐落 新北市 區 里 鄰 路街 段 巷 弄 街 號 樓之 房屋，自民國 年 月 日起有_____及其家屬設戶籍，該設籍人因_____無法前來貴(分)處說明。

Nhà ở tại tầng _____ số _____ phố _____ ngõ _____ đoạn _____ đường _____ phố _____ xóm _____ phường _____ khu _____ Thành Phố Tân Bắc mà bản thân sở hữu, bắt đầu từ ngày _____ tháng _____ năm _____ có _____ và người nhà của họ lập hộ tịch, người lập hộ tịch đó vì _____ không thể đến Quý (phân) Cục giải thích.

(二) 該設籍人因_____設戶籍於上址，自民國 年 月 日起確無租賃關係，如有不實，願依稅捐稽徵法第 41 條規定接受處罰。

Người lập hộ tịch vì _____ lập hộ tịch ở địa chỉ trên, bắt đầu từ ngày _____ tháng _____ năm _____ thực sự không có quan hệ thuê mượn, nếu không đúng sự thật, đồng ý chấp nhận bị phạt theo Quy định điều 41 Luật trung thu thuế.

申明人(土地所有權人)：_____ (簽名或簽章) 身分證統一編號：_____

Người xin (người có quyền sở hữu đất) (ký tên hoặc đóng dấu) Số CMT _____

四、委託轉帳代繳地價稅(每年 8 月底前申請，當期地價稅適用轉帳納稅，9 月後申請，自次期地價稅開始適用，委託轉帳代繳得隨時終止，惟請於稅款開徵前二個月辦理終止手續)
Uy quyền chuyên khoản nộp hộ tiền thuế đất (xin vào trước cuối tháng 8 hàng năm, thuế giá đất trong kỳ thực hiện chuyên khoản nộp thuế, xin sau tháng 9, bắt đầu áp dụng từ thuế giá đất kỳ sau, ủy quyền chuyên khoản nộp hộ tiền được chấm dứt vào bất cứ lúc nào, nhưng xin hãy làm thủ tục chấm dứt ủy quyền vào 2 tháng trước khi đóng tiền thuế)

存款人戶名 Tên tài khoản người gửi tiền :

存款人身分證統一編號 Mã số CMT người gửi tiền :

地址及電話 Địa chỉ và điện thoại :

金融機構及分行名稱：

Tên tổ chức tài chính và chi nhánh ngân hàng:

存款帳號 Tài khoản gửi tiền :

存款人印鑑章：

Người gửi tiền đóng dấu

五、退還溢(重)繳 年地價稅，直撥退稅帳號：_____ (附存摺封面影本)

Hoàn lại tiền thuế giá đất nộp thừa (trùng lặp) năm _____, trực tiếp chuyển vào tài khoản hoàn thuế : _____ (kèm theo bản sao bìa sổ tài khoản)

六、變更地價稅繳款書投遞地址：_____

Địa chỉ gửi phiếu nộp tiền thuế giá đất thay đổi:

此 致 Trân trọng

新北市政府稅捐稽徵處 分處

Chi cục Cục thuế vụ địa phương chính quyền thành phố Tân Bắc

所有權人姓名 Họ tên người có quyền sở hữu : _____ (簽名或蓋章 Ký tên hoặc đóng dấu)

身分證統一編號 Mã số CMT:

電話/手機 Điện thoại/ Di động :

地 址 Địa chỉ :

申請日期： 日 月 年
Ngày tháng xin : Ngày tháng năm